

THỰC ĐƠN BÁN TRÚ TUẦN NĂM HỌC 2025 - 2026
Tuần 09 tháng 11 năm học 2025-2026

Tuần 09 (Từ ngày 03/11 đến ngày 07/11 năm 2025)

Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 2/03-11	1	Thịt băm rang	Thịt sản nông vai	64	125.000	8.000	Chất đốt	1.000	
	2	Xúc xích rán	Xúc xích CP	25	90.000	2.250	Nhân công	2.000	
	3	Canh bí đỏ nấu thịt	Bí đỏ	57	18.000	1.026	Thuế	1.482	
			Thịt nạc xay	6	125.000	750	Khấu hao	300	
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	19.000	2.090			
	5		Rau thơm	2,9	35.000	102			
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000			
		Tổng				15.218		4.782	20.000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 3/ 04-11	1	Chả rim	Chả lợn	52	130.000	6.760	Chất đốt	1.000	
	2	Trứng cút xốt cà chua	Trứng cút	30	80.000	2.400	Nhân công	2.000	
			Cà chua	10	125.000	1.250	Thuế	1.482	
	3	Canh cải thảo nấu thịt	Cải thảo	48	18.000	864	Khấu hao	300	
			Thịt nạc xay	6	125.000	750			
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	19.000	2.090			
	5		Rau thơm	2,96	35.000	104			
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000			
		Tổng				15.218		4.782	20.000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 4/05-11	1	Gà chiên	Gà CN bỏ cđcc	90	88.000	7.920	Chất đốt	1.000	
	2	Đậu xốt cà chua	Đậu phụ	50	32.000	1.600	Nhân công	2.000	
			Cà chua	20	20.000	400	Thuế	1.482	
	3	Canh bí xanh nấu gà	Bí xanh	58	18.000	1.044	Khấu hao	300	
			Gà CN bỏ cđcc	12	88.000	1.056			
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	19.000	2.090			

	5		Rau thơm	3,08	35.000	108			
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000			
		Tổng				15.218		4.782	20.000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 5/06-11	1	Thịt kho tàu	Thịt sản nông vai	66	125.000	8.250	Chất đốt	1.000	
	2	Khoai tây xào thịt	Khoai tây cà rốt	50	18.000	900	Nhân công	2.000	
			Thịt nạc	8	125.000	1.000	Thuế	1.482	
	3	Canh khoai tây nấu xương	Khoai tây cà rốt	55	18.000	990	Khấu hao	300	
			Xương lợn	10	87.000	870			
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	19.000	2.090			
	5		Rau thơm	3,36	35.000	118			
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000			
		Tổng				15.218		4.782	20.000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 6/07-11	1	Cá chiên	Cá chiên	68	125.000	8.500	Chất đốt	1.000	
	2	Trứng xào	Trứng vịt	40	62.000	2.480	Nhân công	2.000	
	3	Canh bắp cải nấu thịt	Bắp cải	35	17.000	595	Thuế	1.482	
			Thịt nạc xay	5	85.000	425	Khấu hao	300	
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	19.000	2.090			
	5		Rau thơm	3,65	35.000	128			
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000			
		Tổng				15.218		4.782	20.000

Hiệu Trưởng Duyệt



Hoàng Sách Khôi

Người Lập Thực Đơn

Đinh Thị Hương Giang